Môn học: **Tiếng Việt (LTVC);** Lớp: **5C2**

Tên bài học: **Kết từ ;** Số tiết: **1 tiết**

Thời gian thực hiện: **Ngày 21 tháng 12 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*Sau bài học, học sinh*

**1. Thực hiện được:**

- Nhận biết được kết từ: khái niệm, chức năng và cách sử dụng

- Tìm và viết được các kết từ phù hợp cho từng ngữ cảnh cụ thể.

**2. Vận dụng:**

- Biết vận dụng kiến thức đã học để thực hành tạo lập câu, tạo lập văn bản có kết từ phù hợp

**3. Cơ hội hình thành và phát triển:**

**\*Năng lực:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm và viết được các kết từ phù hợp cho từng ngữ cảnh cụ thể.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**\* Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-Giáo viên: Bài trình chiếu.

-Học sinh : SGK, VBT Tiếng Việt

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động/**  **Thờigian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu: khởi động,**  **kết nối**  **(5 phút)** | - Xin chào các em. Hôm nay thầy hướng dẫn các em học môn TV lớp 5 bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, do Nhà xuất bản GD ban hành, Bài 29, LTVC, tiết học ngày hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về Kết từ, mời các em mở SGK trang 141, chúng ta cùng nhau học bài nào.  - Trước khi vào bài học, chúng mình cùng nhau khởi động nhé.  Câu 1: Các em hãy kể tên những từ loại em đã học? – Đáp án của thầy như sau: Chúng mình đã được học các từ loại: **Danh từ, động từ, tính từ, đại từ.**  - GV dẫn dắt vào bài: tiết học ngày hôm nay các em sẽ được làm quen với một từ loại nữa, đó là kết từ. Bây giờ chúng ta cùng nhau vào bài học nào. | - HS tham gia chơi  - HS trả lời.  + Danh từ, động từ, tính từ, đại từ.  - HS tự lấy ví dụ |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  **(10 phút)** | **Bài tập 1**. Bài tập số 1 yêu cầu như sau: Các từ in đậm ở đoạn văn được dùng để làm gì?  - GV đọc yêu cầu – Tổ chức các em làm bài cá nhân.  => **GV kết luận**: Qua bài tập này giúp các em nhận ra bản chất của kết từ là từ dùng để nối kết các từ ngữ lại với nhau thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ.  **Bài tập 2**. *Chỉ ra các từ nối được dùng thành cặp trong những câu được nêu trong sách.*  - Bài tập yêu cầu gì?  + Tìm các từ nối theo cặp ở mỗi câu ?  + Xác định rõ cặp từ nối đó nối cái gì?  => **GV kết luận**: Các kết từ không chỉ dùng đơn lẻ mà có thể dùng thành từng cặp với nhau để nối kết (thường là nối các vế câu với nhau) trong câu ghép, sau này chúng ta học và hiểu rõ hơn.   * GV dẫn dắt HS (gợi ý): Từ 2 bài tập đã thực hiện ở trên, em nào nêu cách hiểu của mình về kết từ?   => GV kết luận:  + Kết từ là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ hoặc các câu với nhau như: và, với, hay, hoặc, vì, do, của,...  + Có những kết từ dùng theo cặp (cặp kết từ) như: mặc dù... nhưng..., vì... nên..., nếu... thì..., không những... mà còn...  - Cho HS đọc ghi nhớ SGK | - HS trả lời: **do, vào, và, trong, của.**  + Từ **do** nối bức tranh sơn dầu với hoạ sĩ Trần Văn Cẩn sáng tác.  + Từ **vào** nối sáng tác với năm 1943.  + Từ **và** nối trong sáng với thơ ngây.  + Từ **trong** nối một với những.  + Từ **của** nối tác phẩm xuất sắc nhất với tranh chân dung Việt Nam thế kỉ XX.  Các cặp kết từ trong các câu là:  Câu a: vì... nên... (biểu thị quan hệ nguyên nhân - kết quả)  Câu b: mặc dù... nhưng... (biểu thị quan hệ đối lập)  Câu c: không những... mà còn.. (biểu thị quan hệ tăng tiến)  Câu d: nếu... thì... (biểu thị quan hệ điều kiện - kết quả)  - HS nêu |
| **3. Luyện tập thực hành**  **(15 phút)** | **Bài 3:** Tìm kết từ phù hợp điền vào chỗ chấm trong những câu sau:  - Cho HS đọc thầm yêu cầu, làm bài vào vở  => GV kết luận: Các kết từ cần được dùng phù hợp trong từng ngữ cảnh khác nhau.  **Bài tập 4**. Viết 2 – 3 câu có kết từ để giới thiệu về một trong những bức tranh, bức ảnh dưới đây  A collage of different pictures of buildings and objects  Description automatically generated  - Cho HS làm bài vào vở  - GV chia sẻ mẫu đoạn văn.  *Ví dụ:* Tác phẩm điêu khắc *Những người tắm biển* **của** Pi-cát-xô thật độc đáo. Ông thể hiện ý tưởng người đi tắm biển chỉ **bằng** các hình tam giác, hình chữ nhật **hoặc** hình tròn. Đây là sự sáng tạo **của** riêng ông, trừu tượng, khó hiểu **nhưng** hấp dẫn.  Hoặc: Nghệ thuật múa rối nước không chỉ là một bộ môn, một nghề **mà** còn lại hồn tuý, một biểu tượng văn hoá lớn **của** Việt Nam ta. Múa rối nước **hay** múa rối cạn đều cần phải có sự khéo léo, dựa vào đôi bàn tay, kĩ năng lão luyện **của** những thợ múa rối. **Mặc dù** không nhìn thấy sự xuất hiện của những người thợ này, **nhưng** có thể coi đó là một sự tài tình, tài hoa **của** nghệ thuật này.  => GV kết luận: Dùng kết từ khiến các câu có sự nối kết. | HS đọc đề và nêu yêu cầu  HS làm vở bài tập rồi trình bày  **Dự kiến câu trả lời:**  a. Cậu thích xem phim hài **hay** xem phim hành động?  b. Tranh Đông Hồ giản dị **mà/ và** tinh tế.  c. **Nếu** bạn muốn chơi pi-a-nô thành thạo **thì** bạn phải kiên trì.  d. **Nhờ/ Vì** khổ công tập luyện **nên** Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi đã trở thành một danh hoạ kiệt xuất của thế giới.  + Đọc yêu cầu của bài.  + Viết nháp.  + Cho HS trình bày phần viết của cá nhân. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm.**  (5phút) | – GV cho HS thực hiện ở nhà viết thêm những đoạn văn các bức tranh còn lại.  => GV kết luận: Khi học, HS cần biết vận dụng vào thực tiễn đời sống. | – HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………